

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2021/DS-ST
Ngày 15-12-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 441/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Số 48 đường L, Tổ 4, Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 41 Đường số 35, Tổ 3, Khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 29/9/2021, những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Vào ngày 16/01/2020 bà có cho ông Đỗ Văn T vay số tiền 310.000.000 (ba trăm mười triệu đồng), bà và ông T có ký hợp đồng mượn tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Dương Thái Hoàng theo số công chứng 001564, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD theo đó thời hạn trả là 04 tháng kể từ ngày công chứng, số tiền mượn vì mục đích cá nhân nhưng đến nay mà ông T chưa hoàn trả cho bà. Bà cho

mượn cam kết số tiền là tài sản riêng hợp pháp. Bà đã nhiều lần đòi số tiền nợ trên nhưng ông T vẫn không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn T trả số tiền 310.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/01/2020 đến ngày nộp đơn khởi kiện là 20.600.000 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Hợp đồng mượn tiền ngày 16/01/2020 (bản photo có đối chiếu bản chính), chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản photo có đối chiếu bản chính) của bà H.

Bị đơn ông Đỗ Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt ông T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền 310.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Đỗ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt ông T và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông Đỗ Văn T cư trú tại thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H yêu cầu ông Đỗ Văn T trả số tiền 310.000.000 (ba trăm mười triệu đồng) theo hợp đồng mượn tiền ngày 16/01/2020. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ông Đỗ Văn T có nợ của bà Lê Thị H số tiền 310.000.000 (ba trăm mười triệu đồng). Quá trình vay, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà Lê Thị H yêu cầu ông T trả số tiền 310.000.000 (ba trăm mười triệu đồng), trả ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị H xác định chỉ yêu cầu ông Đỗ Văn T trả số tiền 310.000.000 (ba trăm mười triệu đồng), không yêu cầu tính lãi và rút yêu cầu đối với số tiền 20.600.000 (hai mươi triệu sáu trăm ngàn đồng). Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét trong nội dung hợp đồng ngày 16/01/2020 thì ông Đỗ Văn T xác định số tiền mượn vì mục đích cá nhân nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải triệu tập vợ của ông T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng số tiền mà bà cho ông Đỗ Văn T vay là tài sản riêng hợp pháp nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải triệu tập chồng của bà H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Từ những phân tích trên; căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông Đỗ Văn T trả cho bà Lê Thị H số tiền 310.000.000 (ba trăm mười triệu đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc ông Đỗ Văn T phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Buộc ông Đỗ Văn T phải trả cho bà Lê Thị H số tiền 310.000.000 (ba trăm mười triệu đồng), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đỗ Văn T có trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 20.600.000 (hai mươi triệu sáu trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn T phải chịu là 15.500.000 (mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí 8.265.000 (tám triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0084866 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Châu Thị Thanh Thà

